

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN HỒNG NGỰ  
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 44/2024/HS-ST

Ngày: 18-9-2024

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒNG NGỰ, TỈNH ĐỒNG THÁP

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đặng Quốc Bình.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Bùi Tấn Dũng.

Ông Nguyễn Tuấn Lam.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Hồ Thị Y Phụng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:** Ông Ngô Hữu Ý - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 40/2024/TLST-HS ngày 28 tháng 8 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2024/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 9 năm 2024 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn T, sinh ngày 09/02/2002, tại tỉnh Đồng Tháp; Nơi cư trú: Khóm M, phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: Không biết chữ (tại phiên tòa khai lớp 1); Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn H và con bà Lê Thị Mỹ P; Chưa có vợ, con; Tiền án: Ngày 04/10/2021, bị Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp xử phạt 09 tháng tù về Tội trộm cắp tài sản, chấp hành xong ngày 10/9/2022; Tiền sự: Không; Tạm giữ, tạm giam: Không; Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú và tạm hoãn xuất cảnh; Có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo là Luật sư Lê Văn L - Văn phòng L1 thuộc đoàn Luật sư tỉnh Đ, là Luật sư ký hợp đồng thực hiện trợ giúp pháp lý của Trung tâm T2; Có mặt.

- **Bị hại:** Lê Văn C, sinh năm 1987; Vắng mặt.

Nơi cư trú: Ấp B, xã T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

- **Người tham gia tố tụng khác:** Người làm chứng Mai Duy K, Nguyễn Thị Kiều T1, Lâm Thị M, Nguyễn Thị Kim P1; Tất cả vắng mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 16 giờ 00 phút, ngày 13/4/2024 Mai Duy K điều khiển xe mô tô nhãn hiệu nhãn hiệu SMILE, biển số 66HA-014.05 (Khánh mượn của bà Nguyễn Thị Kim P1) chở theo Nguyễn Văn T đi tìm tài sản để lấy trộm. Khi đến nhà của anh Lê Văn C thuộc ấp B, xã T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp thì phát hiện con gà trống có lông ở cổ và trên lưng màu đỏ, lông đuôi màu đen, chân màu trắng đang được úp trong bụi, không ai trong coi, nên T xuống xe vào bắt gà, còn K ngoài xe canh giới. Lấy trộm được con gà T lên xe K điều khiển hướng về thành phố H, khi đến ấp A, xã T thì bị Công an xã T (đang tuần tra) phát hiện, nên lực lượng Công an lập biên bản vụ việc.

Kết luận định giá tài sản số 21/KLHĐĐGTS-TTHS, ngày 13/5/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện H, kết luận: 01 (một) con gà trống có lông ở cổ và trên lưng màu đỏ, lông đuôi màu đen, chân màu trắng, trọng lượng 03 kg. Trị giá 360.000 đồng.

### *Vật chứng thu giữ và xử lý:*

- 01 (một) con gà trống có lông ở cổ và trên lưng màu đỏ, lông đuôi màu đen, chân màu trắng có trọng lượng 03 kg, tài sản bị mất trộm của của Lê Văn C. Ngày 13/4/2024, Cơ quan Công an trả lại cho ông C.

- 01 (một) xe gắn máy, biển số 66HA-014.05, màu sơn: Xanh- Trắng; số máy: MB-4\*006551\*; số khung: DA006849, nhãn hiệu SMILE (đã qua sử dụng). Do Mai Duy K mượn của chị Nguyễn Thị Kim P1 để làm phương tiện đi lại. K sử dụng phương tiện vào việc lấy trộm tài sản người khác thì chị P1 không biết. Ngày 04/7/2024, Cơ quan điều tra trả lại cho chị P1.

Tại Cáo trạng truy tố số 44/CT-VKSHN ngày 26/8/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp đề nghị: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Tại phần luận tội Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử xem áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự do bị cáo là thành phần nhân dân lao động, gia đình thuộc hộ cận nghèo, bị cáo không biết chữ nên nhận thức pháp luật hạn chế để xử phạt bị cáo từ 09 (chín) tháng đến 12 (mười hai) tháng tù về tội trộm cắp tài sản. Về vật chứng đã xử lý xong, về trách nhiệm dân sự không phát sinh nên không đề cập. Về hình phạt bổ sung Kiểm sát viên không đề nghị áp dụng đối với bị cáo.

Đối với Mai Duy K cùng với bị cáo T lấy trộm tài sản 01 con gà trống, trị giá 360.000 đồng. Do K chưa có tiền án, tiền sự, tài sản trộm không đủ định lượng, do đó không đủ căn cứ để xử lý hình sự. Ngày 10/5/2024, Chủ tịch ủy ban nhân dân xã T ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính theo quy định pháp luật.

Bị cáo không tự bào chữa, tranh luận, chỉ nói lời sau cùng: Bị cáo đã biết ăn năn, hối hận, xin cơ hội để sớm trở về lo cho mẹ.

Luật sư Lê Văn L bào chữa cho bị cáo: Thống nhất về tội danh và hình phạt như Kiểm sát viên đề xuất. Đề nghị xem xét các tình tiết giảm nhẹ như Kiểm sát viên đã nêu và các tình tiết giảm nhẹ khác như bị cáo không biết chữ, nghề nghiệp không ổn định, gia đình thuộc hộ cận nghèo để xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

### NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng quy định về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với quy định của pháp luật. Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn T khai nhận hành vi của mình như nội dung Cáo trạng, phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ thu thập trong hồ sơ vụ án, chứng minh được:

[3] Bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, đã có hành vi lén lút lấy trộm tài sản là 01 con gà trống trị giá 360.000 đồng của bị hại Lê Văn C. Mặc dù trị giá tài sản chưa đủ định lượng (từ 2.000.000 đồng) để cấu thành tội trộm cắp tài sản. Tuy nhiên, bị cáo có một tiền án về tội trộm cắp tài sản, chưa được xóa án tích mà vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội mới. Do đó, đã đủ căn cứ kết luận hành vi của bị cáo phạm Tội trộm cắp tài sản theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự:

*“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:*

*a)...*

*b). Đã bị kết án về tội này hoặc về một trong các tội quy định tại các điều 168, 169, 170, 171, 172, 174, 175 và 290 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm;*

*2...*

*5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng.”*

[4] Như vậy, Viện kiểm sát truy tố bị cáo Nguyễn Văn T là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[5] Về tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo: Bị cáo nhận thức được hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện, trực tiếp xâm phạm tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Hành vi của bị cáo đã làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự ở địa phương, làm cho nhân dân hoang mang lo lắng; là nguy hiểm cho xã hội. Bị cáo có 01 tiền án về tội trộm cắp tài sản, chưa được xóa án tích mà vẫn tiếp tục phạm tội mới chứng tỏ bị cáo xem thường pháp luật. Do đó, cần áp dụng mức hình phạt thích đáng để cách ly bị cáo khỏi xã hội trong một thời gian nhất định, vừa để giáo dục bị cáo thành công dân tốt, vừa có tác dụng phòng ngừa chung trong xã hội.

[6] Về nhân thân, tiền án, tiền sự: Bị cáo có một tiền án về tội trộm cắp tài sản, chưa được xóa án tích nhưng lại tiếp tục phạm tội như đã nêu trên.

[7] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không.

[8] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Nhận thấy bị cáo là thành phần nhân dân lao động, gia đình thuộc hộ cận nghèo, bị cáo không biết chữ, nhận thức pháp luật còn hạn chế nên xem xét là tình tiết giảm nhẹ khác theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Căn cứ vào các tình tiết nêu trên để giảm nhẹ cho bị cáo khi quyết định hình phạt, để bị cáo sớm có cơ hội về làm lại cuộc đời, sống có ích cho gia đình và xã hội. Qua đó thể hiện tính nhân đạo của pháp luật xã hội chủ nghĩa.

[9] Về hình phạt bổ sung: Nghề nghiệp và thu nhập của bị cáo không ổn định, bị cáo không có điều kiện kinh tế nên không áp dụng hình phạt tiền bổ sung.

[10] Về xử lý vật chứng: Đã xử lý xong, phù hợp nên không đề cập đến.

[11] Về trách nhiệm dân sự: Không có yêu cầu nên không xem xét.

[12] Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định. Do bị cáo thuộc hộ cận nghèo, có yêu cầu miễn án phí, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận miễn án phí cho bị cáo.

[13] Đề nghị của Kiểm sát viên và người bào chữa là có căn cứ nên chấp nhận. Những vấn đề khác Cáo trạng không đề cập, nên không xem xét.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm Tội trộm cắp tài sản.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án phạt tù.

2. Về án phí, căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23, điểm đ khoản 1 Điều 12 và Danh mục án phí, lệ phí tòa án kèm theo Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo Nguyễn Văn T được miễn tiền án phí.

3. Về quyền kháng cáo đối với bản án: Bị cáo, người bào chữa có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 18 tháng 9 năm 2024). Đối với bị hại vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**Nơi nhận:**

- Bị cáo, bị hại (nếu có);
- Viện kiểm sát, Cơ quan điều tra cùng cấp;
- Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp;
- Cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền;
- Nơi đang giam giữ bị cáo (nếu có);
- Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền;
- Cơ quan, tổ chức, chính quyền địa phương nơi giám sát, giáo dục người được hưởng án treo (nếu có);
- Lưu hồ sơ vụ án, Văn phòng lưu trữ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đặng Quốc Bình**